

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2013  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2013**

---

Tháng 9 năm 2013

**MỤC LỤC**

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 34

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Hà Giang	Chủ tịch
Ông Trần Ngọc Tuấn	Ủy viên
Ông Mai Hoàng Anh	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Hưng	Ủy viên
Bà Lê Thị Minh Phương	Ủy viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Lê Hà Giang	Tổng Giám đốc
Ông Mai Hoàng Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đình Hoàng	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Lê Hà Giang**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 04 tháng 09 năm 2013



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ**  
**International Auditing and Financial Consulting Company Limited**

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32<sup>th</sup> Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 3431/2013/BCSX-IFC

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**  
**Về Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động**  
**từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013**  
**của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang**

**Kính gửi:            **Cố đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc****  
**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang**


Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 được lập ngày 04 tháng 09 năm 2013 từ trang 04 đến trang 34 kèm theo.

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 2, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc soát xét.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để đạt được sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



  
**Khúc Đình Dũng**  
**Tổng Giám đốc**  
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
 số 0748-2013-072-1  
 Ngày 04 tháng 09 năm 2013



**Nguyễn Nam Cường**  
**Kiểm toán viên**  
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
 số 1950-2013-072-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Mẫu B 01-DN  
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>394.514.637.763</b>	<b>448.005.519.560</b>
<b>I. Tiền và khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>4.403.115.235</b>	<b>3.934.379.736</b>
1. Tiền	111		4.403.115.235	394.379.736
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	3.540.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>31.855.262.877</b>	<b>50.909.387.314</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	39.003.374.877	58.320.111.034
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(7.148.112.000)	(7.410.723.720)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>262.013.325.854</b>	<b>289.952.511.305</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	247.201.913.513	273.192.660.951
2. Trả trước cho người bán	132		14.370.429.117	15.780.787.968
3. Các khoản phải thu khác	135	V.4	1.412.565.206	979.062.386
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(971.581.982)	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>76.206.945.890</b>	<b>76.528.082.979</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.5	76.206.945.890	76.528.082.979
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>20.035.987.907</b>	<b>26.681.158.226</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	21.620.596
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	20.035.987.907	26.659.537.630
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>268.985.680.751</b>	<b>303.402.240.983</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>25.465.491.237</b>	<b>28.215.983.761</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	674.549.408	1.302.478.888
- Nguyên giá	222		4.881.073.231	5.930.601.534
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.206.523.823)	(4.628.122.646)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.8	18.312.391.829	20.434.954.873
- Nguyên giá	225		25.056.450.777	25.798.797.273
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(6.744.058.948)	(5.363.842.400)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	6.478.550.000	6.478.550.000
- Nguyên giá	228		6.478.550.000	6.478.550.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>232.456.131.741</b>	<b>264.314.394.141</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10	54.770.000.000	54.770.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.11	59.033.000.000	59.033.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	164.275.703.000	163.053.378.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(45.622.571.259)	(12.541.983.859)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>11.064.057.773</b>	<b>10.871.863.081</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		182.114.272	-
2. Tài sản dài hạn khác	268	V.13	10.881.943.501	10.871.863.081
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>663.500.318.514</b>	<b>751.407.760.543</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Mẫu B 01-DN  
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>366.090.145.082</b>	<b>410.329.668.962</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>337.951.626.242</b>	<b>333.794.953.296</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	183.141.640.523	173.117.982.564
2. Phải trả người bán	312	V.15	103.835.457.168	120.810.691.114
3. Người mua trả tiền trước	313		159.146.976	579.146.911
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	8.540.693.898	12.380.730.641
5. Phải trả người lao động	315		378.608.617	43.874.700
6. Chi phí phải trả	316	V.17	25.382.578.025	9.785.307.846
7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	12.405.770.860	12.958.989.345
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.107.730.175	4.118.230.175
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>28.138.518.840</b>	<b>76.534.715.666</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333	V.19	8.583.715.632	10.440.068.408
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	11.369.520.026	57.912.829.076
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		8.185.283.182	8.181.818.182
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>297.410.173.432</b>	<b>341.078.091.581</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.21</b>	<b>297.410.173.432</b>	<b>341.078.091.581</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		199.992.750.000	199.992.750.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		92.574.334.165	92.574.334.165
3. Cổ phiếu quỹ	414		(43.500.000)	(43.500.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		11.682.477.081	11.682.477.081
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		5.841.238.541	5.841.238.541
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(12.637.126.355)	31.030.791.794
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>663.500.318.514</b>	<b>751.407.760.543</b>



Lê Hà Giang  
Tổng Giám đốc  
Ngày 04 tháng 09 năm 2013

Nguyễn Thị Thanh Hà  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Mai Hương  
Người lập

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

MẪU B 02-DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	18.678.151.117	51.792.110.887
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	18.678.151.117	51.792.110.887
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	16.461.941.616	39.956.510.545
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.216.209.501	11.835.600.342
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.621.472.585	9.098.259.691
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	45.908.402.993	16.870.668.086
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		13.090.427.313	17.481.061.355
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.597.197.242	3.263.908.131
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(43.667.918.149)	799.283.816
11. Thu nhập khác	31		-	3.570.488
12. Chi phí khác	32		-	16.580.530
13. Lợi nhuận khác	40		-	(13.010.042)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(43.667.918.149)	786.273.774
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(43.667.918.149)	786.273.774



Lê Hà Giang  
Tổng Giám đốc  
Ngày 04 tháng 09 năm 2013

Nguyễn Thị Thanh Hà  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Mai Hương  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

MẪU B 03-DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(43,667,918,149)	786,273,774
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1,826,031,756	2,018,814,791
- Các khoản dự phòng	03	33,789,557,662	(610,393,269)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2,621,472,585)	(9,041,468,540)
- Chi phí lãi vay	06	13,090,427,313	17,481,061,355
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2,416,625,997	10,634,288,111
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	27,630,822,807	36,249,482,858
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	321,137,089	(4,636,185,700)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(15,513,249,966)	14,259,926,113
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(182,114,272)	380,992,132
- Tiền lãi vay đã trả	13	(4,233,485,951)	(11,642,994,964)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(780,702,159)	-
- Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	15	6,623,549,723	96,956,390
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(10,080,420)	(841,048,390)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	16,272,502,848	44,501,416,550
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(200,000,000)	(32,493,460,851)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	20,903,959,270	23,097,799,105
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(5,000,000,000)	(60,313,000,000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	3,777,675,000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1,234,249,472	1,894,345,395
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	20,715,883,742	(67,814,316,351)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	47,798,003,643	68,722,447,015
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(83,276,844,986)	(60,621,417,237)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(1,040,809,748)	(1,182,640,907)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(36,519,651,091)	6,918,388,871
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	468,735,499	(16,394,510,930)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	3,934,379,736	22,046,271,512
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	4,403,115,235	5,651,760,582



Lê Hà Giang  
Tổng Giám đốc  
Ngày 04 tháng 09 năm 2013

Nguyễn Thị Thanh Hà  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Mai Hương  
Người lập

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101184201 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08 tháng 10 năm 2001 và các lần thay đổi. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8 ngày 13 tháng 05 năm 2011.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần, vốn điều lệ của Công ty là 199.992.750.000 đồng (một trăm chín mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng), tổng số cổ phần là 19.999.275 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Vốn pháp định là 6 tỷ đồng.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp, xây dựng các công trình giao thông;
- Xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật các khu đô thị và khu công nghiệp;
- Kinh doanh nhà và bất động sản;
- Kinh doanh máy móc thiết bị và vật tư ngành xây dựng;
- Tư vấn xây dựng (không bao gồm thiết kế công trình);
- Tư vấn đầu tư tài chính (không bao gồm tư vấn pháp luật);
- Kinh doanh các dịch vụ khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật), tư vấn quản lý dự án trong lĩnh vực xây dựng;
- Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Tư vấn thiết kế kiến trúc công trình;
- Khai thác, sản xuất, chế biến và kinh doanh vật liệu xây dựng (cát, đá, sỏi, gạch, ngói, xi măng, kính, tấm lợp, nhựa đường và các vật liệu xây dựng khác dùng trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất), các cấu kiện bê tông đúc sẵn, kết cấu thép;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu ô tô các loại, dây chuyền công nghệ máy, vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị ngành xây dựng, vận tải;
- Dịch vụ tư vấn, quảng cáo, đấu giá, quản lý, môi giới, định giá và kinh doanh sàn giao dịch BĐS.

Tổng số lao động tại Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 là 23 người.

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2013, cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang bao gồm:

**Đơn vị**

Văn phòng Công ty

**Địa chỉ**Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu,  
quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.**Chi nhánh**Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và  
Phát triển Đô thị Long GiangSố nhà 35/11, đường Trần Đình Xu, phường Cầu  
Kho, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.**Văn phòng đại diện**Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần  
Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang  
tại Thành phố Cần ThơLô C, Trần Quang Khải, Khu dân cư phường Cái  
Khế, phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều, Thành phố  
Cần Thơ

## **II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty áp dụng sổ kế toán theo hình thức trên kế toán máy.

## **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)***Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay dài hạn.

*Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp giá bình quân gia quyền quý.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hữu hình hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05
Máy móc thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	05 - 09
Thiết bị Dụng cụ quản lý	03 - 04

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê.

	<u>Số năm</u>
Máy móc, thiết bị	08
Thiết bị văn phòng	11,5

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao*****Quyền sử dụng đất***

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài lô đất tại số nhà 35/11, đường Trần Đình Xu, phường Cầu Kho, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất.

**Các khoản Đầu tư chứng khoán**

Các khoản Đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản Đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản Đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ bao gồm: Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng 1 lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng trên một năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

## 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	3.188.920.469	172.124.710
Tiền gửi ngân hàng	1.214.194.766	222.255.026
Các khoản tương đương tiền	-	3.540.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.403.115.235</b>	<b>3.934.379.736</b>

## 2. Đầu tư ngắn hạn

	30/06/2013		01/01/2013	
	Số lượng Cổ phần	Giá trị VND	Số lượng Cổ phần	Giá trị VND
<b>Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn</b>		<b>19.836.396.000</b>		<b>19.836.396.000</b>
Công ty CP BOT Cầu Phú Mỹ	13.000	1.300.000.000	13.000	1.300.000.000
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp	525.060	13.846.596.000	525.060	13.846.596.000
	1.012	49.800.000	1.012	49.800.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín				
Công ty CP Thương mại và Vận tải	145.000	4.640.000.000	145.000	4.640.000.000
Petrolimex Hà Nội				
<b>Đầu tư ngắn hạn khác</b>		<b>19.166.978.877</b>		<b>38.483.715.034</b>
Cho vay ngắn hạn		19.166.978.877		38.483.715.034
<b>Cộng</b>		<b>39.003.374.877</b>		<b>58.320.111.034</b>

## 3. Phải thu khách hàng

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Hoạt động liên kết đầu tư	30.123.191.806	30.123.191.806
Hoạt động kinh doanh hàng hóa	61.620.047.216	56.743.851.875
Hoạt động xây dựng	150.288.754.422	182.301.292.801
Hoạt động kinh doanh dịch vụ	4.655.149.929	3.815.704.329
Hoạt động kinh doanh khác	514.770.140	208.620.140
<b>Cộng</b>	<b>247.201.913.513</b>	<b>273.192.660.951</b>

## 4. Các khoản phải thu khác

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế GTGT TSCĐ Thuê tài chính	1.194.178.145	812.494.561
Phải thu khác	218.387.061	166.567.825
<b>Cộng</b>	<b>1.412.565.206</b>	<b>979.062.386</b>

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG**Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu,  
quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ hoạt động  
từ 01/01/2013 đến 30/06/2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****5. Hàng tồn kho**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí SXKD dở dang	74.933.770.771	74.775.756.028
Hàng hóa	1.273.175.119	1.752.326.951
<b>Cộng</b>	<b>76.206.945.890</b>	<b>76.528.082.979</b>

**6. Tài sản ngắn hạn khác**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	19.977.600.421	26.591.150.144
Ký cược, ký quỹ	58.387.486	68.387.486
<b>Cộng</b>	<b>20.035.987.907</b>	<b>26.659.537.630</b>

**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền đẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2013	108.814.506	2.068.132.170	2.853.355.636	900.299.222	5.930.601.534
Giảm khác (*)	-	348.805.451		700.722.852	1.049.528.303
Tại ngày 30/06/2013	108.814.506	1.719.326.719	2.853.355.636	199.576.370	4.881.073.231
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2013	108.814.506	1.194.988.525	2.574.100.158	750.219.457	4.628.122.646
Khấu hao trong năm	-	185.676.576	213.073.042	47.065.590	445.815.208
Giảm khác (*)		219.159.076		648.254.955	867.414.031
Tại ngày 30/06/2013	108.814.506	1.161.506.025	2.787.173.200	149.030.092	4.206.523.823
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2013	-	873.143.645	279.255.478	150.079.765	1.302.478.888
Tại ngày 30/06/2013	-	557.820.694	66.182.436	50.546.278	674.549.408

(\*): Công ty thực hiện ghi giảm tài sản cố định hữu hình theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 647.568.725 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 dùng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng là 57.958.234 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**8. Tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2013	17.822.727.273	7.976.070.000	25.798.797.273
Giảm khác (*)	-	742.346.496	742.346.496
Tại ngày 30/06/2013	17.822.727.273	7.233.723.504	25.056.450.777
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2013	4.167.431.900	1.196.410.500	5.363.842.400
Khấu hao trong năm	1.010.585.138	369.631.410	1.380.216.548
Tại ngày 30/06/2013	5.178.017.038	1.566.041.910	6.744.058.948
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2013	13.655.295.373	6.779.659.500	20.434.954.873
Tại ngày 30/06/2013	12.644.710.235	5.667.681.594	18.312.391.829

(\*): Công ty ghi giảm nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là hệ thống điều hòa không khí do khi ghi nhận ban đầu tài sản cố định thuê tài chính Công ty tính toán sai nguyên giá tài sản.

**9. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài lô đất tại số nhà 35/11, đường Trần Đình Xu, phường Cầu Kho, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất. Công ty đã thế chấp, cầm cố Giá trị Quyền sử dụng đất này tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay.

**10. Đầu tư vào công ty con**

	30/06/2013		01/01/2013	
	Số lượng Cổ phần	Giá trị VND	Số lượng Cổ phần	Giá trị VND
Công ty CP Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xuân Thủy	2.560.000	30.020.000.000	2.560.000	30.020.000.000
Công ty CP Long Giang Hà Nội	1.350.000	13.500.000.000	1.350.000	13.500.000.000
Công ty CP Long Giang Sài Gòn	1.125.000	11.250.000.000	1.125.000	11.250.000.000
<b>Cộng</b>		<b>54.770.000.000</b>		<b>54.770.000.000</b>

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ kiểm soát	Hoạt động chính
Công ty CP Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xuân Thủy	Hà Nội	69,40%	70,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty CP Long Giang Hà Nội	Hà Nội	90,00%	90,00%	Xây dựng dân dụng và công nghiệp
Công ty CP Long Giang Sài Gòn	Hồ Chí Minh	75,00%	75,00%	Xây dựng dân dụng và công nghiệp

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**11. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Nghĩa Đô. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, Công ty đã đầu tư 15.535 cổ phần tương đương 25,89% vốn điều lệ với giá trị khoản đầu tư là 59.033.000.000 VND.

**12. Đầu tư dài hạn khác**

	30/06/2013		01/01/2013	
	Số lượng Cổ phần	Giá trị VND	Số lượng Cổ phần	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Vạn Xuân	7.000	7.000.000.000	7.000	7.000.000.000
Công ty CP Long Giang TSQ	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam (MCG)	3.250.140	57.502.278.500	3.250.140	57.502.278.500
Công ty Cổ phần Cung cấp Giải pháp Kỹ Thuật	300.000	3.000.000.000	300.000	3.000.000.000
Đầu tư hợp tác kinh doanh (*)		86.773.424.500		90.551.099.500
<b>Cộng</b>		<b>164.275.703.000</b>		<b>163.053.378.000</b>

(\*): Chi tiết đầu tư hợp tác kinh doanh:

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty TNHH Nhà nước MTV Thăng Long GTC	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty CP Tập đoàn Long Giang	81.773.424.500	81.773.424.500
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thành Nam	-	3.777.675.000
<b>Cộng</b>	<b>86.773.424.500</b>	<b>90.551.099.500</b>

Đầu tư hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Thăng Long GTC theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 166/2011/HĐ-HTKD ngày 16 tháng 06 năm 2011 để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu chung cư cao cấp tại khu E (lô C4) trên diện tích 4.003 m<sup>2</sup> thuộc dự án đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị Long Giang tối thiểu là 40 tỷ đồng nhưng với điều kiện không thấp hơn số tiền sử dụng đất Dự án phải nộp cho Ngân sách Nhà nước. Trong trường hợp số tiền sử dụng đất Dự án nộp lớn hơn thì phần vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị Long Giang sẽ đúng bằng số tiền sử dụng đất phải nộp ngân sách Nhà nước. Phần vốn góp này tương đương 49% tổng số vốn góp của các bên.

Trong vòng 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này, nếu các bên không xin được đầy đủ các loại giấy tờ, giấy phép, chấp thuận cần thiết cho việc khởi công, xây dựng hay phát triển dự án thì hợp đồng này sẽ chấm dứt.

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**12. Đầu tư dài hạn khác (tiếp theo)**

*Đầu tư hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Giang theo các hợp đồng:*

Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0406/2010/HĐ-HTKD/LGL-LGG ngày 04 tháng 06 năm 2010 để thực hiện dự án khu nhà cao tầng tại ô đất CC05A - dự án khu đô thị mới Việt Hưng - Hà Nội với số vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị Long Giang là 40.930.890.000VND tương ứng tỷ lệ 90%. Số vốn đã góp là 41.005.890.000 VND.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0704/2010/HĐ-HTKD/LGG-LGL ngày 07 tháng 04 năm 2010 và phụ lục số 01PL/LGG-LGL ngày 07 tháng 04 năm 2010 thực hiện dự án xây dựng nhà ở cao tầng thuộc DA khu ngoại giao Đoàn tại Xã Xuân Đình - Từ Liêm - Hà Nội với số vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị Long Giang là 30.667.534.500 VND tương ứng với tỷ lệ 25%. Số vốn đã góp là 30.767.534.500 VND.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2512/2009/HĐ-KH ngày 25 tháng 12 năm 2009 thực hiện đầu tư xây dựng một phần tháp B của dự án Trung tâm Thương mại Dịch vụ và Nhà ở tại 173 Xuân Thủy. Vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang là 45.442.122.000 VND. Số vốn đã góp là 10.000.000.000 VND.

**13. Tài sản dài hạn khác**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ký cược, ký quỹ dài hạn	10.881.943.501	10.871.863.081
<b>Cộng</b>	<b>10.881.943.501</b>	<b>10.871.863.081</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**14. Vay và nợ ngắn hạn**

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>76.925.795.972</b>	<b>87.925.795.972</b>
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (a)	36.101.874.527	37.101.874.527
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (b)	40.823.921.445	40.823.921.445
+ Ngân hàng TMCP Cổ phần Đại Dương	-	10.000.000.000
<b>Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>57.534.099.535</b>	<b>82.012.940.878</b>
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xuân Thủy	18.595.005.290	17.421.215.218
+ Công ty Thương mại Dịch vụ Trảng Thi	24.195.104.245	29.918.061.789
+ Công ty CPĐT và Phát triển Đô thị Vạn Xuân	4.643.990.000	4.643.990.000
+ Công ty CP Thương mại dịch vụ Nghĩa Đô	5.300.000.000	1.620.266.667
+ Vay cá nhân khác	4.800.000.000	28.409.407.204
<b>Vay và Nợ dài hạn đến hạn trả (c)</b>	<b>48.681.745.016</b>	<b>3.179.245.714</b>
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Đông Hà Nội	6.306.655.060	-
+ Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	2.138.435.966	3.179.245.714
+ Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch	40.236.653.990	-
<b>Cộng</b>	<b>183.141.640.523</b>	<b>173.117.982.564</b>

- (a) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 1420-LAV-200700104/HĐHMTD ngày 23 tháng 08 năm 2011 để bổ sung vốn lưu động cho các nhu cầu thanh toán vật tư, hàng hóa, nhân công, thuê máy... phục vụ thi công công trình và phát hành bảo lãnh trong nước các loại khi có nhu cầu phát sinh, hạn mức cho vay là 56.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay theo khung lãi suất cho vay do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Khoản vay này được gia hạn thời hạn trả nợ theo phụ lục số 07/2012/PLHĐTD ngày 06 tháng 08 năm 2012, theo đó khoản trả nợ cuối cùng vào ngày 22 tháng 01 năm 2014. Khoản vay này được bảo đảm bằng căn hộ chung cư 2303 tầng 23 tháp B - 173 Xuân Thủy của Bà Ngô Thị Thu Hiền và căn nhà 35/11 Trần Đình Xu của bên Vay.
- (b) Khoản vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh theo hợp đồng tín dụng số 125/HĐTD ngày 22 tháng 04 năm 2011 để bổ sung vốn lưu động, hạn mức cho vay 70.000.000.000 đồng, thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng (từ ngày 22 tháng 04 năm 2011 đến ngày 22 tháng 04 năm 2012). Lãi suất cho vay bằng tổng lãi suất cơ sở và biên độ 4,5%, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Lãi được trả vào ngày 25 hàng tháng, gốc trả theo đúng thời hạn trên giấy nhận nợ. Khoản vay được bảo đảm bằng 3 xe ô tô thuộc sở hữu của Công ty. Khoản nợ này đã quá hạn thanh toán và chưa được gia hạn nợ bổ sung.
- (c) Xem thuyết minh V.20

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN (TIẾP THEO)**

**15. Phải trả người bán**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hoạt động kinh doanh hàng hóa	36.058.998.278	41.869.285.418
Hoạt động xây dựng	65.932.516.974	77.143.265.218
Hoạt động kinh doanh khác	1.843.941.916	1.798.140.478
<b>Cộng</b>	<b>103.835.457.168</b>	<b>120.810.691.114</b>

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	7.638.936.452	10.761.122.031
Thuế thu nhập doanh nghiệp	431.750.571	1.212.452.730
Thuế thu nhập cá nhân	424.667.218	361.816.223
Các loại thuế khác	45.339.657	45.339.657
<b>Cộng</b>	<b>8.540.693.898</b>	<b>12.380.730.641</b>

**17. Chi phí phải trả**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi vay phải trả	22.755.493.498	6.444.686.480
Trích trước chi phí công trình xây lắp	2.588.780.096	3.290.478.035
Chi phí phải trả khác	38.304.431	50.143.331
<b>Cộng</b>	<b>25.382.578.025</b>	<b>9.785.307.846</b>

**18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	279.265.191	250.538.191
Bảo hiểm xã hội	35.555.483	227.343.603
Bảo hiểm y tế	193.548.516	164.074.100
Bảo hiểm thất nghiệp	225.938.540	212.838.800
Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	60.000.000	60.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.611.463.130	12.044.194.651
Trong đó:		
<i>Các khoản vay không tính lãi</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>10.000.000.000</i>
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>244.882.600</i>	<i>193.135.400</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>1.366.580.530</i>	<i>1.851.059.251</i>
<b>Cộng</b>	<b>12.405.770.860</b>	<b>12.958.989.345</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MÀU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**19. Phải trả dài hạn khác**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ông Mai Thanh Phương - góp vốn dự án Việt Hưng	3.069.816.000	3.069.816.000
Công ty CP Địa ốc Bách Việt	2.555.300.000	755.300.000
Góp vốn dự án Sài Đồng - Long Biên	2.500.000.000	2.500.000.000
Góp vốn dự án 69 Vũ Trọng Phụng	458.599.632	4.114.952.408
<b>Cộng</b>	<b>8.583.715.632</b>	<b>10.440.068.408</b>

**20. Vay và nợ dài hạn**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Vay và Nợ dài hạn</b>	<b>60.051.265.042</b>	<b>61.092.074.790</b>
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (a)	13.507.955.992	14.548.765.740
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Đông Hà Nội	6.306.655.060	6.306.655.060
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch (b)	40.236.653.990	40.236.653.990
<b>Trừ số vay và nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>(48.681.745.016)</b>	<b>(3.179.245.714)</b>
<b>Cộng</b>	<b>11.369.520.026</b>	<b>57.912.829.076</b>

- (a) Công ty vay dài hạn Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam theo hai hợp đồng cho thuê tài chính:

Hợp đồng cho thuê tài chính số 20.11.05/CTTC, tài sản cho thuê tài chính là 2 máy khoan cọc nhồi có tổng giá trị là 19.500.000.000 VNĐ, trị giá gốc tính cho thuê là 13.000.000.000 VNĐ, mục đích sử dụng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn thuê là 5 năm tính từ ngày bên cho thuê chuyển tiền cho nhà cung cấp. Trả nợ gốc và lãi định kỳ 3 tháng/lần theo lịch thanh toán cụ thể. Lãi cho thuê được tính bằng lãi suất cho thuê cơ bản do Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính - NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam cộng biên độ 2,7%/năm và điều chỉnh 6 tháng/lần, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho thuê trong hạn. Bên thuê có trách nhiệm mua bảo hiểm tài sản trong suốt thời hạn thuê.

Hợp đồng cho thuê tài chính số 20.11.06/CTTC, tài sản cho thuê tài chính là thiết bị điều hòa không khí và thông gió tầng 24 và tầng kỹ thuật mái có tổng giá trị là 285.749,2 USD, trị giá gốc tính cho thuê là 257.174 USD, mục đích sử dụng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn thuê là 4 năm tính từ ngày bên cho thuê chuyển tiền cho nhà cung cấp. Trả nợ gốc và lãi định kỳ 3 tháng/lần theo lịch thanh toán cụ thể. Lãi cho thuê được tính bằng lãi suất cho thuê cơ bản do Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính - NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam cộng biên độ 2,7%/năm và điều chỉnh 3 tháng/lần, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho thuê trong hạn. Bên thuê có trách nhiệm mua bảo hiểm tài sản trong suốt thời hạn thuê.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**19. Vay và nợ dài hạn (tiếp theo)**

- (b) Khoản vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1 theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2011/272693/HĐHMTD ngày 31 tháng 03 năm 2011 để bổ sung vốn lưu động, hạn mức cho vay là 120.000.000.000 đồng, lãi suất theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Trả nợ gốc và lãi theo từng hợp đồng cụ thể. Khoản vay này được gia hạn thời hạn trả nợ theo phụ lục 01/2012/PLGHTT ngày 01 tháng 10 năm 2012 theo đó khoản trả nợ cuối cùng vào ngày 31 tháng 01 năm 2014.

*Các khoản vay và nợ dài hạn được trả nợ theo lịch biểu sau:*

	Số dư 30/06/2013 VND	Gốc vay phải trả		
		Trong vòng một năm VND	Từ một năm đến ba năm VND	Sau năm thứ ba VND
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (a)	13.507.955.992	2.138.435.966	8.558.097.480	2.811.422.546
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Đông Hà Nội	6.306.655.060	6.306.655.060	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch	40.236.653.990	40.236.653.990	-	-
<b>Cộng</b>	<b>60.051.265.042</b>	<b>48.681.745.016</b>	<b>8.558.097.480</b>	<b>2.811.422.546</b>

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG**Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu,  
quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ hoạt động  
từ 01/01/2013 đến 30/06/2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****21. Vốn chủ sở hữu***a. Bảng biến động vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2012	199.992.750.000	92.574.334.165	(43.500.000)	11.682.477.081	5.841.238.541	26.351.197.457	336.398.497.244
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	4.759.594.337	4.759.594.337
Giảm khác	-	-	-	-	-	(80.000.000)	(80.000.000)
Tại ngày 01/01/2013	199.992.750.000	92.574.334.165	(43.500.000)	11.682.477.081	5.841.238.541	31.030.791.794	341.078.091.581
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	(43.667.918.149)	(43.667.918.149)
Tại ngày 30/06/2013	199.992.750.000	92.574.334.165	(43.500.000)	11.682.477.081	5.841.238.541	(12.637.126.355)	297.410.173.432

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**20. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

*b. Cổ phiếu*

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>Cổ phần</b>	<b>Cổ phần</b>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	19.999.275	19.999.275
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	19.999.275	19.999.275
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	19.999.275	19.999.275
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(2.900)	(2.900)
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	(2.900)	(2.900)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.996.375	19.996.375
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	19.996.375	19.996.375
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/ 1 cổ phiếu		

**22. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận hoạt động là bộ phận liên kết đầu tư, bộ phận kinh doanh bất động sản, bộ phận hoạt động xây dựng, bộ phận bán hàng và bộ phận cung cấp dịch vụ.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG**Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu,  
quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ hoạt động  
từ 01/01/2013 đến 30/06/2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****21. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)****Bảng cân đối kế toán bộ phận**

Tại ngày 30/06/2013	Hoạt động liên kết đầu tư VND	Hoạt động kinh doanh hàng hóa VND	Hoạt động xây dựng VND	Hoạt động kinh doanh dịch vụ VND	Hoạt động kinh doanh bất động sản VND	Tổng cộng VND
<b>Tài sản</b>						
Tài sản bộ phận	263.079.323.547	65.023.562.692	191.247.750.652	22.967.541.758	52.508.886.788	594.827.065.437
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	68.673.253.077
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>	<b>263.079.323.547</b>	<b>65.023.562.692</b>	<b>191.247.750.652</b>	<b>22.967.541.758</b>	<b>52.508.886.788</b>	<b>663.500.318.514</b>
<b>Nợ phải trả</b>						
Nợ phải trả bộ phận	8.583.715.632	36.099.234.331	67.212.973.997	-	-	111.895.923.960
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	254.194.221.122
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>	<b>8.583.715.632</b>	<b>36.099.234.331</b>	<b>67.212.973.997</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>366.090.145.082</b>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>	<b>Hoạt động liên kết đầu tư VND</b>	<b>Hoạt động kinh doanh hàng hóa VND</b>	<b>Hoạt động xây dựng VND</b>	<b>Hoạt động kinh doanh dịch vụ VND</b>	<b>Hoạt động kinh doanh bất động sản VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Tài sản</b>						
Tài sản bộ phận	294.937.585.947	60.063.435.617	229.079.935.742	24.250.659.202	50.768.138.288	659.099.754.796
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	92.308.005.747
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>	<b>294.937.585.947</b>	<b>60.063.435.617</b>	<b>229.079.935.742</b>	<b>24.250.659.202</b>	<b>50.768.138.288</b>	<b>751.407.760.543</b>
<b>Nợ phải trả</b>						
Nợ phải trả bộ phận	-	41.909.521.471	80.552.654.111	420.000.000	-	122.882.175.582
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	287.447.493.380
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>	<b>-</b>	<b>41.909.521.471</b>	<b>80.552.654.111</b>	<b>420.000.000</b>	<b>-</b>	<b>410.329.668.962</b>

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG**Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu,  
quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ hoạt động  
từ 01/01/2013 đến 30/06/2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****21. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)****Kết quả kinh doanh bộ phận cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013**

	Hoạt động liên kết đầu tư VND	Hoạt động kinh doanh hàng hóa VND	Hoạt động xây dựng VND	Hoạt động kinh doanh dịch vụ VND	Hoạt động kinh doanh bất động sản VND	Tổng cộng VND
<b>Doanh thu</b>						
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	-	4.490.824.255	11.975.739.953	2.211.586.909	-	18.678.151.117
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng Doanh thu</b>	-	4.490.824.255	11.975.739.953	2.211.586.909	-	18.678.151.117
Khấu hao và chi phí phân bổ	-	4.582.425.880	12.220.015.207	2.256.697.771	-	19.059.138.858
<b>Kết quả kinh doanh</b>						
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	-	(91.601.625)	(244.275.254)	(45.110.862)	-	(380.987.741)
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-	(91.601.625)	(244.275.254)	(45.110.862)	-	(380.987.741)
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết	-	-	-	-	-	-
Doanh thu từ các khoản đầu tư	-	-	-	-	-	2.621.472.585
Lãi (lỗ) khác	-	-	-	-	-	-
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	45.908.402.993
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	-	-	(43.667.918.149)
Chi phí thuế TNDN	-	-	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận trong kỳ</b>	-	-	-	-	-	<b>(43.667.918.149)</b>

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG**Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu,  
quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ hoạt động  
từ 01/01/2013 đến 30/06/2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****21. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)****Kết quả kinh doanh bộ phận cho kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012**

	Hoạt động liên kết đầu tư VND	Hoạt động kinh doanh hàng hóa VND	Hoạt động xây dựng VND	Hoạt động kinh doanh dịch vụ VND	Hoạt động kinh doanh bất động sản VND	Tổng cộng VND
<b>Doanh thu</b>						
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	-	18.278.551.049	32.052.501.656	1.461.058.182	-	51.792.110.887
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng Doanh thu</b>	-	18.278.551.049	32.052.501.656	1.461.058.182	-	51.792.110.887
Khấu hao và chi phí phân bổ	-	15.253.416.314	26.747.752.070	1.219.250.292	-	43.220.418.676
<b>Kết quả kinh doanh</b>						
Kết quả kinh doanh bộ phận	-	3.025.134.735	5.304.749.586	241.807.890	-	8.571.692.211
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-	3.025.134.735	5.304.749.586	241.807.890	-	8.571.692.211
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết	-	-	-	-	-	-
Doanh thu từ các khoản đầu tư Lãi (lỗ) khác	-	-	-	-	-	9.098.259.691 (13.010.042)
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	16.870.668.086
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	-	-	786.273.774
Chi phí thuế TNDN	-	-	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận trong kỳ</b>						<b>786.273.774</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**21. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)**

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Đồng thời, toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013</b>	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu bán hàng hóa	4.490.824.255	18.278.551.049
Doanh thu hợp đồng xây dựng	11.975.739.953	32.052.501.656
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.211.586.909	1.461.058.182
<b>Cộng</b>	<b>18.678.151.117</b>	<b>51.792.110.887</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013</b>	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn hàng hóa đã bán	3.977.219.009	18.041.723.709
Giá vốn hợp đồng xây dựng	10.785.925.787	21.515.983.336
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1.698.796.820	398.803.500
<b>Cộng</b>	<b>16.461.941.616</b>	<b>39.956.510.545</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013</b>	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.118.472.585	3.956.666.841
Cổ tức, lợi nhuận được chia	503.000.000	5.141.592.850
<b>Cộng</b>	<b>2.621.472.585</b>	<b>9.098.259.691</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**4. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Lãi tiền vay	13.090.427.313	17.481.061.355
Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư	(262.611.720)	(610.393.269)
Trích lập dự phòng các khoản đầu tư	33.080.587.400	-
<b>Cộng</b>	<b>45.908.402.993</b>	<b>16.870.668.086</b>

**5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Công ty không tính chi tiêu này trên Báo cáo Tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Chi phí nguyên vật liệu	4.106.615.318	12.506.682.578
Chi phí nhân công	1.592.318.041	2.994.080.051
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.826.031.756	2.018.814.791
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.154.970.835	21.064.640.682
Chi phí khác bằng tiền	710.069.752	481.921.588
<b>Cộng</b>	<b>18.390.005.702</b>	<b>39.066.139.690</b>

**VII. THÔNG TIN KHÁC**

**1. Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu" tương ứng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính**

*Tài sản tài chính*

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.403.115.235	3.934.379.736
Phải thu khách hàng và phải thu khác	247.642.896.737	274.171.723.337
Đầu tư ngắn hạn	31.855.262.877	50.909.387.314
Đầu tư dài hạn	232.456.131.741	264.314.394.141
<b>Cộng</b>	<b>516.357.406.590</b>	<b>593.329.884.528</b>

*Công nợ tài chính*

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Các khoản vay	194.511.160.549	231.030.811.640
Phải trả người bán và phải trả khác	124.824.943.660	144.209.748.867
Chi phí phải trả	25.382.578.025	9.785.307.846
<b>Cộng</b>	<b>344.718.682.234</b>	<b>385.025.868.353</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Công ty chịu rủi ro lãi suất lớn phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất với lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro lãi suất theo giá trị hợp lý của các khoản vay này.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

## VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

## 1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Tại 30/06/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	116.241.228.028	8.583.715.632	-	124.824.943.660
Chi phí phải trả	25.382.578.025	-	-	25.382.578.025
Các khoản vay	183.141.640.523	11.369.520.026	-	194.511.160.549
Tại 01/01/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	133.769.680.459	10.440.068.408	-	144.209.748.867
Chi phí phải trả	9.785.307.846	-	-	9.785.307.846
Các khoản vay	173.117.982.564	56.813.026.050	1.099.803.026	231.030.811.640

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phải sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phải sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 30/06/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Phải thu khách hàng và phải thu khác	248.614.478.719	(971.581.982)	-	247.642.896.737
Đầu tư ngắn hạn	31.855.262.877	-	-	31.855.262.877
Tại 01/01/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Phải thu khách hàng và phải thu khác	274.171.723.337	-	-	274.171.723.337
Đầu tư ngắn hạn	50.909.387.314	-	-	50.909.387.314

## 2. Sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính cần điều chỉnh hoặc công bố trên thuyết minh Báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**3. Thông tin về bên liên quan**

*Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc*

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Lương, thưởng và phụ cấp của Ban Giám đốc	492.000.000	767.761.703

*Trong năm Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:*

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
<b>Doanh thu</b>		
Công ty CP Long Giang Hà Nội	76.607.673	4.200.907.561
Công ty CP Long Giang Sài Gòn	3.880.611.930	9.605.188.450
Công ty CP Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xuân Thủy	1.145.454.545	2.290.909.091

**Mua hàng**

Công ty CP Long Giang Hà Nội	861.836.376	1.955.276.415
Công ty CP Long Giang Sài Gòn	12.821.061.031	-
Công ty CP Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xuân Thủy	177.451.129	-

**Số dư với các bên liên quan**

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>Các khoản phải thu</b>		
Công ty CP Long Giang Hà Nội	34.904.705.033	42.447.555.380
Công ty CP Long Giang Sài Gòn	18.008.919.197	13.063.630.121
Công ty CP Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xuân Thủy		
<b>Các khoản phải trả</b>		
Công ty CP Long Giang Hà Nội	11.052.811.393	18.180.482.723
Công ty CP Long Giang Sài Gòn	23.215.790.989	17.902.635.042
Công ty CP Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xuân Thủy	189.876.371	420.000.000
<b>Các khoản vay</b>		
Công ty CP Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xuân Thủy	18.990.004.993	17.421.215.218
<b>Các khoản cho vay ngắn hạn</b>		
Công ty CP Long Giang Hà Nội	713.493.981	2.833.493.981
Công ty CP Long Giang Sài Gòn	3.033.953.839	3.033.953.839

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**4. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán là số liệu tương ứng trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C. Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu tương ứng trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C. Một số chỉ tiêu so sánh của kỳ trước được phân loại lại phù hợp với số liệu so sánh kỳ này.

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	01/01/2013 Trước phân loại	01/01/2013 Phân loại lại
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		90.551.099.500	-
1. Phải thu dài hạn khác	218		90.551.099.500	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		173.763.294.641	264.314.394.141
3. Đầu tư dài hạn khác	258		72.502.278.500	163.053.378.000



\_\_\_\_\_  
**Lê Hà Giang**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 04 tháng 09 năm 2013

\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Thị Thanh Hà**  
Kế toán trưởng

\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Thị Mai Hương**  
Người lập